



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường bao gồm những nguyên tắc, nội dung của hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin, phân tích, dự báo giá thị trường và chế độ báo cáo, xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (sau đây gọi là báo cáo giá thị trường) đối với một số hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo do các cơ quan có thẩm quyền tại trung ương và địa phương thực hiện để phục vụ công tác tham mưu, quản lý, điều tiết giá nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; kinh phí bảo đảm cho các hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương và địa phương.
- Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; chế độ báo cáo giá thị trường

- Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

a) Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá); các Bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi là các Bộ);

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị có liên quan (nếu cần thiết);

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Chế độ báo cáo giá thị trường:

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương, báo cáo giá thị trường đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; báo cáo tổng hợp định kỳ, đột xuất phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ, trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá phục vụ công tác quản lý, điều tiết giá, kiểm soát lạm phát;

b) Các Bộ chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý trình trực tiếp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo định kỳ, đột xuất cho Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý trình trực tiếp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo định kỳ, đột xuất cho Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.

Điều 4. Tổ chức thu thập thông tin về giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Nguyên tắc thu thập thông tin giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật Giá.

2. Yêu cầu đối với việc tổ chức thu thập thông tin giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ:

a) Khách quan, kịp thời, giá thu thập là giá thực mua, thực bán trên thị trường tại thời điểm thu thập thông tin. Trường hợp thu thập theo giá kê khai thì phải chú thích rõ mức giá gắn với tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá;

b) Đúng địa điểm cần báo cáo giá và thời điểm báo cáo giá thị trường;

c) Khu vực khảo sát thu thập thông tin giá thị trường phải là những nơi có hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên, ổn định, đại diện cho khu vực thành thị, nông thôn tại tỉnh, thành phố;

d) Phân định rõ giá khảo sát, thu thập là giá bán lẻ, giá kê khai; giá phổ biến trên thị trường thu thập được; chú thích rõ thông tin về các yếu tố khác liên quan như: giá đã bao gồm hay chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, giá bán tại cửa hàng, nơi sản xuất, giá bán tới địa điểm người mua (nơi giao hàng), tính đặc thù thị trường.

3. Công tác thu thập thông tin giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ được thực hiện từ một hoặc một số nguồn thông tin sau:

a) Giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ được khảo sát trên thị trường;

b) Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định;

c) Giá kê khai của các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Giá khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và các cơ sở dữ liệu về giá tại các Bộ, địa phương;

đ) Giá trúng đấu giá, đấu thầu;

e) Giá từ các nguồn hợp pháp khác.

4. Phương pháp thu thập thông tin giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ gồm các phương pháp sau:

a) Phương pháp trực tiếp: Cán bộ được phân công nhiệm vụ thu thập thông tin giá thị trường trực tiếp (sau đây gọi là cán bộ thị trường) đến các nhà máy sản xuất, chế biến; trung tâm bán buôn, chợ đầu mối; các trung tâm thương mại, siêu thị, các chợ, cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh; các cơ sở giáo dục đào tạo (đối với dịch vụ đào tạo); các cơ sở khám chữa bệnh (đối với dịch vụ khám chữa bệnh) để khảo sát, thu thập thông tin và ghi chép lại thông tin thu thập được vào Phiếu khảo sát, thu thập thông tin giá thị trường theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này;

b) Phương pháp gián tiếp: Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường thực hiện thu thập thông tin giá hàng hóa, dịch vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết quả thống kê giá kê khai; hoặc giá do cơ quan, tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường mua thông tin; hoặc giá được cung cấp bởi cơ quan, tổ chức có dữ liệu, thông tin về giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ. Các thông tin thu thập được phải chú thích rõ nguồn thông tin và được ghi nhận trong báo cáo giá thị trường hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định (nếu có);

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đoàn khảo sát giá thị trường để phục vụ công tác thu thập thông tin giá thị trường đảm

bảo chính xác, đáp ứng yêu cầu báo cáo. Các thông tin thu thập được phải chú thích rõ nguồn thông tin và được ghi nhận trong báo cáo giá thị trường hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định (nếu có).

Điều 5. Phân tích diễn biến giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Nguyên tắc phân tích giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật Giá.

2. Yêu cầu đối với phân tích giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ:

a) Phản ánh chính xác, trung thực tình hình giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở các thông tin, số liệu đã thu thập được;

b) Đầy đủ, phù hợp với yêu cầu, mục đích của báo cáo phục vụ công tác quản lý, điều tiết giá.

3. Nội dung phân tích giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ gồm:

a) Tổng hợp thông tin giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ đã thu thập được để phân tích, đánh giá diễn biến giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ (xu hướng giá tăng/giảm, mức giá tăng/giảm, so sánh mức giá với cùng kỳ, so với kỳ liền trước hoặc các kỳ gốc khác); đánh giá tác động của biến động giá thị trường, phương án điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, định giá đến mặt bằng giá thị trường, mục tiêu kiểm soát lạm phát;

b) Phân tích nguyên nhân biến động giá hàng hóa, dịch vụ (quan hệ cung cầu, yếu tố tác động từ thị trường thế giới và trong nước, yếu tố tiền tệ, tỷ giá, chi phí sản xuất, chất lượng sản phẩm và các yếu tố liên quan khác).

Điều 6. Dự báo giá thị trường

1. Dự báo giá thị trường là việc đưa ra các nhận định, số liệu dự toán về diễn biến giá của hàng hóa, dịch vụ hoặc xu hướng biến động của mặt bằng giá thị trường trong một thời điểm hoặc thời kỳ tương lai trên cơ sở phân tích, đánh giá các yếu tố có khả năng tác động lên giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc hoạch định chính sách, ra quyết định trong công tác quản lý, điều tiết giá của cơ quan có thẩm quyền nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

2. Nguyên tắc dự báo giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật Giá.

3. Yêu cầu đối với việc dự báo giá hàng hóa, dịch vụ:

a) Thực hiện dựa trên các nguồn thông tin tin cậy;

b) Đầy đủ, đáp ứng với yêu cầu, mục đích của báo cáo phục vụ công tác quản lý, điều tiết giá.

4. Dự báo giá thị trường bao gồm dự báo giá cho từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể và đánh giá tác động dự kiến của diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ đó đến chỉ số giá tiêu dùng (sau đây gọi là chỉ số CPI) để trên cơ sở đó dự báo biến

động chỉ số CPI nhằm đề xuất các giải pháp về quản lý, điều tiết giá góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Điều 7. Phân loại báo cáo giá thị trường

1. Báo cáo giá thị trường tổng hợp của Bộ Tài chính (sau đây gọi là báo cáo giá thị trường tổng hợp).
2. Báo cáo giá thị trường của các Bộ (sau đây gọi là báo cáo giá thị trường chuyên ngành).
3. Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là báo cáo giá thị trường địa phương).
4. Báo cáo giá thị trường của các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Điều 8. Nội dung báo cáo giá thị trường

1. Nội dung của báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá.
2. Báo cáo giá thị trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này; Báo cáo giá thị trường tổng hợp của Bộ Tài chính trình Trường Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này.

Điều 9. Phương thức gửi báo cáo

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo cho Bộ Tài chính như sau:
 - a) Gửi báo cáo định dạng thống nhất theo đường văn bản hành chính điện tử (hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử) và gửi vào hòm thư điện tử csgia@mof.gov.vn; trường hợp chưa có điều kiện gửi theo đường văn bản hành chính điện tử thì thực hiện gửi văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính;
 - b) Đồng thời cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, phân hệ “Báo cáo giá thị trường” được tích hợp trong hệ thống tại địa chỉ <https://csdlgiaquocgia.mof.gov.vn> (nếu có). Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã đảm bảo triển khai đầy đủ cho các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện phương thức cập nhật báo cáo vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá thì các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể lựa chọn chỉ cập nhật báo cáo vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và không phải thực hiện phương thức gửi báo cáo tại điểm a của khoản này;
 - c) Các phương thức gửi báo cáo khác theo yêu cầu của Bộ Tài chính trong trường hợp báo cáo đột xuất.
2. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân liên quan khác khi được yêu cầu phối hợp, thực hiện báo cáo gửi cho Bộ chuyên ngành chủ trì thực hiện báo cáo thì thực hiện báo cáo theo đường văn bản hành chính điện tử (hệ

thống quản lý và điều hành văn bản điện tử) hoặc đường văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính (trường hợp chưa có hệ thống quản lý và văn bản điện tử); trường hợp báo cáo đột xuất thì đồng thời gửi theo phương thức khác theo yêu cầu của Bộ chuyên ngành chủ trì thực hiện báo cáo.

3. Bộ Tài chính, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đường văn bản hành chính điện tử (hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử) và các phương thức khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Định dạng báo cáo:

a) Báo cáo gửi điện tử phải bao gồm bản điện tử dùng thống nhất bộ mã tiếng Việt Unicode và văn bản quét có đủ chữ ký và dấu của đơn vị phát hành. Đối với trường hợp các báo cáo đột xuất, định dạng gửi báo cáo theo hướng dẫn tại văn bản yêu cầu báo cáo cụ thể của Bộ Tài chính hoặc các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì thực hiện báo cáo (nếu có);

b) Quy ước ký hiệu tệp văn bản báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

Chương II

BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG TỔNG HỢP CỦA BỘ TÀI CHÍNH; BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG CHUYÊN NGÀNH CỦA CÁC BỘ

Mục 1

BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG TỔNG HỢP CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Điều 10. Báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu

1. Bộ Tài chính thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Thông tư này và xây dựng báo cáo tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu:

a) Tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổng hợp báo cáo của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo cơ chế phối hợp quy định tại Luật Giá và pháp luật có liên quan;

d) Xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này và phù hợp với yêu cầu báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không yêu cầu cụ thể về thời gian chốt số liệu báo cáo thì Bộ Tài chính tự xác định thời gian chốt số liệu báo cáo đảm bảo phù hợp với mục đích, yêu cầu báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đề nghị các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện báo cáo số liệu trong thời gian đã được xác định.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Bộ Tài chính thực hiện gửi báo cáo đúng thời hạn theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan thực hiện gửi báo cáo cho Bộ Tài chính đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tài chính để đảm bảo kịp thời tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ, đột xuất trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ

1. Bộ Tài chính thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Thông tư này và xây dựng báo cáo tổng hợp định kỳ, đột xuất trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá như sau:

a) Tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổng hợp báo cáo giá thị trường chuyên ngành của các Bộ;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo cơ chế phối hợp quy định tại Luật Giá và pháp luật có liên quan;

d) Xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp về kết quả công tác điều hành giá và định hướng công tác điều hành giá trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này và phù hợp với yêu cầu báo cáo của Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá.

2. Tần suất thực hiện báo cáo và thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá được lập định kỳ cho 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm (sau đây gọi là báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm);

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ:

- Báo cáo quý: Tính từ ngày 23 của tháng cuối quý liền kề trước đến ngày 22 của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 23 của tháng 12 năm liền kề trước đến ngày 22 của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo 9 tháng: Tính từ ngày 23 của tháng 12 năm liền kề trước đến ngày 22 của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 23 của tháng 12 năm liền kề trước đến ngày 22 của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo.

3. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ: Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo của các Bộ trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá trước ngày 05 của tháng đầu tiên của quý liền kề sau quý đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp sau năm đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo năm; đối với tháng 6, tháng 9, cả năm thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

4. Đối với báo cáo đột xuất: Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá; trường hợp Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá không có yêu cầu cụ thể về thời gian chốt số liệu báo cáo thì Bộ Tài chính tự xác định thời gian chốt số liệu báo cáo đảm bảo phù hợp với mục đích, yêu cầu báo cáo của Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá. Bộ Tài chính thực hiện gửi báo cáo đúng thời hạn theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá; các Bộ thực hiện gửi báo cáo cho Bộ Tài chính đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tài chính để đảm bảo kịp thời tổng hợp trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá.

Điều 12. Báo cáo giá thị trường tổng hợp của các địa phương định kỳ gửi Thủ tướng Chính phủ

1. Bộ Tài chính thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Thông tư này và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp của các địa phương trên cả nước định kỳ gửi Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính, các cơ quan khác có liên quan để cung cấp thông tin phục vụ quản lý, điều hành vĩ mô, kiểm soát lạm phát như sau:

a) Tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổng hợp báo cáo giá thị trường địa phương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này gửi Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính, các cơ quan khác có liên quan để cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều tiết giá, kiểm soát lạm phát của các cơ quan có thẩm quyền tại trung ương và địa phương.

2. Tần suất thực hiện báo cáo và thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo tổng hợp của các địa phương gửi Thủ tướng Chính phủ được lập cho 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm (sau đây gọi là báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm);

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo quý: Tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo 9 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo của các địa phương gửi Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính, các cơ quan khác có liên quan trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý liền kề sau quý đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau năm đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Mục 2

BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG CHUYÊN NGÀNH CỦA CÁC BỘ

Điều 13. Báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu

1. Các Bộ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư này và xây dựng báo cáo đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu như sau:

a) Tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp cần thiết, Bộ chủ trì thực hiện báo cáo phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; việc phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo cơ chế phối hợp quy định tại Luật Giá và pháp luật có liên quan;

c) Xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này và phù hợp với yêu cầu báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời gửi Bộ Tài chính

để theo dõi, tổng hợp chung báo cáo, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo điều hành giá.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không có yêu cầu cụ thể về thời gian chốt số liệu báo cáo thì Bộ chủ trì thực hiện báo cáo tự xác định thời gian chốt số liệu báo cáo đảm bảo phù hợp với mục đích, yêu cầu báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Bộ chủ trì thực hiện báo cáo gửi báo cáo đúng thời hạn theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan thực hiện gửi báo cáo cho Bộ chủ trì thực hiện báo cáo đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ để đảm bảo kịp thời tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Báo cáo giá thị trường chuyên ngành định kỳ, đột xuất gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá

1. Các Bộ xây dựng báo cáo chuyên ngành định kỳ hoặc đột xuất gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá. Các Bộ thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo và xây dựng báo cáo theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8 của Thông tư này; thực hiện báo cáo theo danh mục thông tin, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục I của Thông tư này và yêu cầu của Bộ Tài chính theo chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá.

2. Tần suất thực hiện và thời gian chốt số liệu của báo cáo định kỳ gửi Bộ Tài chính:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ gửi Bộ Tài chính được lập cho hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm (sau đây gọi là báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm);

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ:

- Báo cáo tháng: Tính từ ngày 23 của tháng liền kề trước đến ngày 22 của tháng kỳ báo cáo.

- Báo cáo quý: Tính từ ngày 23 của tháng cuối quý liền kề trước đến ngày 22 của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 23 của tháng 12 năm liền kề trước đến ngày 22 của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo 9 tháng: Tính từ ngày 23 của tháng 12 năm liền kề trước đến ngày 22 của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 23 của tháng 12 năm liền kề trước đến ngày 22 của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo.

3. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ: Các Bộ xây dựng báo cáo gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 của tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

4. Đối với báo cáo đột xuất: Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá; trường hợp Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá không có yêu cầu cụ thể về thời gian chốt số liệu báo cáo thì các Bộ thực hiện theo yêu cầu của Bộ Tài chính và gửi báo cáo cho Bộ Tài chính đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tài chính để đảm bảo kịp thời tổng hợp trình Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá.

Chương III

BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG; BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 15. Báo cáo giá thị trường của địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng báo cáo đột xuất trên cơ sở thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định tại Thông tư này để trực tiếp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; đồng thời gửi Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp chung báo cáo, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất trên cơ sở thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường để gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

Điều 16. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo giá thị trường địa phương

1. Nội dung báo cáo giá thị trường địa phương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu và thời hạn của báo cáo định kỳ gửi Bộ Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ xây dựng báo cáo hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm (sau đây gọi là báo cáo tháng, quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm);

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo tháng: Tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng kỳ báo cáo.

- Báo cáo quý: Tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo 9 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ xây dựng báo cáo và gửi báo cáo giá thị trường về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 05 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

3. Đối với báo cáo đột xuất: Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Bộ Tài chính để đảm bảo kịp thời tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá.

Điều 17. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện báo cáo giá thị trường của địa phương

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện báo cáo giá thị trường của địa phương gồm các mặt hàng quan trọng, thiết yếu, phù hợp với yêu cầu công tác tổng hợp, phân tích, dự báo, chỉ đạo, điều tiết giá, bình ổn giá của các cơ quan có thẩm quyền tại trung ương và địa phương nhằm kiểm soát lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện thu thập số liệu và báo cáo giá thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 18. Báo cáo giá thị trường của tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường xây dựng báo cáo định kỳ hoặc đột xuất trên cơ sở thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường để trình cấp có thẩm quyền. Việc tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9 của Thông tư này và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường cho tổ chức, cá nhân.

Chương IV

KINH PHÍ ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 19. Nội dung chi cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường của cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Các nội dung chi:

a) Chi khoán công tác phí cho cán bộ được phân công nhiệm vụ thu thập giá thị trường trực tiếp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Thông tư này;

b) Chi công tác phí cho các đoàn công tác khảo sát, điều tra, thu thập thông tin giá thị trường điểm c khoản 4 Điều 4 của Thông tư này;

c) Chi tiền hợp tại các cuộc họp phục vụ xây dựng báo cáo giá thị trường;

d) Chi văn phòng phẩm, nước uống, biên soạn và in ấn tài liệu cho các cuộc họp phục vụ xây dựng báo cáo giá thị trường;

đ) Chi xây dựng các báo cáo giá thị trường.

Điều 20. Mức chi của các nội dung chi cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Căn cứ yêu cầu, tính chất của nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, cơ quan thực hiện tổng hợp phân tích, dự báo giá thị trường có trách nhiệm bố trí nguồn ngân sách nhà nước được phân cấp, giao hàng năm của mình để chi cho các hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo các nội dung chi, mức chi quy định tại khoản 2 Điều này để phục vụ xây dựng báo cáo giá thị trường phục vụ công tác quản lý, điều tiết giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo điều hành giá, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Thông tư này.

2. Mức chi của các nội dung chi cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường như sau:

a) Cán bộ được phân công nhiệm vụ thu thập giá thị trường trực tiếp được hưởng tiền công tác phí khoán theo tháng theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Công tác phí cho các đoàn công tác khảo sát, điều tra, thu thập thông tin giá thị trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày

28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

c) Mức tiền hợp tại các cuộc họp phục vụ xây dựng báo cáo giá thị trường:

- Chủ trì: mức chi 150.000 đồng/người/cuộc họp.

- Các thành viên tham dự: mức chi 100.000 đồng/người/cuộc họp.

d) Mức chi văn phòng phẩm, nước uống, biên soạn và in ấn tài liệu cho các cuộc họp thực hiện thanh toán theo thực tế hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

đ) Mức chi xây dựng các báo cáo giá thị trường:

- Báo cáo giá thị trường chuyên ngành của các Bộ, báo cáo giá thị trường của địa phương: 1.200.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ và đột xuất của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá: 8.000.000 đồng/báo cáo.

Điều 21. Lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí cho hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

Việc lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí cho hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức báo cáo giá thị trường

1. Các cơ quan thực hiện tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng, củng cố và hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin giá thị trường; tổ chức công tác thu thập và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý, địa bàn do mình quản lý; phân công cán bộ thực hiện thu thập giá thị trường trực tiếp trong trường hợp cần thiết; chịu trách nhiệm về thực hiện báo cáo giá thị trường theo quy định tại Thông tư này; cung cấp thông tin liên lạc của một cán bộ đầu mối về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo gửi về Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính để chủ động phối hợp khi phát sinh các vấn đề cần trao đổi trực tiếp.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên cơ sở phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư này phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ

thu thập giá thị trường trực tiếp và xây dựng báo cáo giá thị trường trong phạm vi phụ trách; gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; tổ chức triển khai các nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo tổng hợp định kỳ, đột xuất để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và phục vụ họp Ban Chỉ đạo điều hành giá theo quy định tại Thông tư này. Cục Quản lý giá chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời trên cơ sở theo dõi nắm bắt tình hình chung giá thị trường trên phạm vi cả nước để tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt gửi Thủ tướng Chính phủ và gửi báo cáo giá thị trường tới các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính, các cơ quan khác có liên quan để cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều tiết giá, kiểm soát lạm phát của các cơ quan có thẩm quyền tại trung ương và địa phương;

b) Quản lý về nội dung toàn bộ cơ sở dữ liệu giá thị trường hàng hóa, dịch vụ của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi về;

c) Phối hợp với Cục Tin học và Thống kê tài chính - Bộ Tài chính tổ chức hướng dẫn việc báo cáo theo hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Bộ Tài chính; hướng dẫn xử lý các vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình cập nhật, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; bảo mật các thông tin được chia sẻ.

4. Cục Tin học và Thống kê tài chính - Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Quản lý, triển khai, quản trị, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đảm bảo vận hành thông suốt, ổn định; bảo đảm an toàn, an ninh mạng hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

b) Phối hợp với Cục Quản lý giá hướng dẫn, sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật phần mềm và kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa phần mềm giá tại các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và thay thế Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

2. Các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được quy định tại Thông tư này và tại các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được thực hiện cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của